TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2019
V/v "Ly hôn, chia tài sản chung"

NHÂN DA
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Bùi Thị Hải Đường

2/ Bà Đào Thị Lan

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Phan Thanh Nhã – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lưu H – sinh năm 1964; địa chỉ: Số nhà 37, tổ 5, khu phố 1, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Lê B – Luật sư Văn phòng Luật sư Lê B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Địa chỉ: Số 255 đường C, khu phố 4, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Bà Nguyễn A – sinh năm 1965; nơi ĐKHKTT: Số nhà 37, tổ 5, khu phố 1, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; nơi cư trú hiện nay: Ấp T, xã M, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt, có đơn xin).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình cung cấp chứng cứ, ông Lưu H trình bày: Ông và bà Nguyễn A tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Ông và bà A chung sống hạnh phúc với nhau đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà A có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, tuy nhiên ông đã tha thứ bỏ qua, nhưng bà A vẫn không thay đổi, ông và bà A sống ly thân từ tháng 12/2018 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, ông yêu cầu được ly hôn với bà A; về con chung: Có 01 con chung tên Lưu T – sinh ngày

25/01/2000, hiện con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung: Trước đây ông có khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của ông với bà A là phần đất gắn với nhà. Tuy nhiên ông và bà A đã tự thỏa thuận xong, nay ông rút lại yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn A trình bày: Bà và ông Lưu H chung sống với nhau từ năm 1999, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông H chung sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, do ông H về nhà vợ cũ để ở nhưng sau đó quay về năn nỉ bà để tiếp tục chung sống. Đến khoảng năm 2018 thì bà và ông H xảy ra mâu thuẫn dẫn đến việc ông H đánh đập bà. Nay ông H yêu cầu ly hôn với bà thì bà đồng ý; về con chung: Có 01 con chung tên Lưu T – sinh ngày 25/01/2000, hiện con chung đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông H và bà A; về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra giải quyết; tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu quan điểm: Xét thấy Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, không ý kiến gì thêm. Về nội dung, xét thấy ông H và bà A chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng đối với ông H và bà A; tài sản chung: Ông H đã rút lại yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Các bên không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Lưu H yêu cầu ly hôn và chia tài sản chung với bà Nguyễn A. Căn cứ Điều 28, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

[2] Bà Nguyễn A có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà A là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Ông Lưu H và bà Nguyễn A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình chung sống giữa hai người xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể tiếp tục chung sống với nhau, nay ông H có đơn yêu cầu được ly hôn với bà A.

Căn cứ Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa ông H và bà A là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu T – sinh ngày 25/01/2000 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ngày 13/5/2019 ông H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung. Căn cứ Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của ông H.

[6] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 thì ông Lưu H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 218, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

1/ Không công nhận quan hệ giữa ông Lưu H và bà Nguyễn A là vợ chồng.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Lưu T – sinh ngày 25/01/2000 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lao động sinh sống được, nên không đặt ra giải quyết.

- Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của ông H đối với bà A. Ông H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại phần tài sản theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Ông Lưu H phải chịu 300.000 đồng. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011407 ngày 19/02/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Chi cục Thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu hoàn trả cho ông Lưu H số tiền 6.750.000 đồng mà ông H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011526 ngày 18/3/2019.

Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà Nguyễn A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện DMC;
- THA huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu HS;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phạm Văn Diệp